

PHẬT GIÁO HIẾU NGHĨA TÀ LƠN - MỘT TÔN GIÁO MỚI NỘI SINH Ở NAM BỘ

Tóm tắt: Được khai sinh ở vùng đất Nam Bộ vào đầu thế kỷ XX, sau hơn 100 năm tồn tại, phát triển (1915-2018), Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn (PGHNTL) là chỗ dựa tâm linh cho một bộ phận người Việt và góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa đa dạng phong phú ở Nam Bộ. Hơn thế nữa, PGHNTL đã trở thành một tôn giáo nội sinh ở vùng Tây Nam Bộ. Tuy nhiên, theo quan điểm, lý thuyết nghiên cứu tôn giáo mới thì trong khoảng 50 năm đầu của sự hình thành, lan tỏa, PGHNTL là một trong số những hình thức thuộc loại hình tôn giáo mới có nguồn gốc liên quan đến dòng tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ, Việt Nam. Bài viết này sử dụng các lý thuyết chức năng, lý thuyết về chiều kích tôn giáo và tôn giáo học so sánh để làm rõ tính chất mới của PGHNTL, qua đó định danh PGHNTL là một hình thức tôn giáo mới trong dòng tôn giáo nội sinh của cộng đồng người Việt ở Nam Bộ.

Từ khóa: Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn; Tôn giáo mới; tôn giáo nội sinh; Nam Bộ.

1. Tôn giáo mới và tôn giáo mới ở Nam Bộ

Để xác định một tôn giáo mới, các nhà nghiên cứu về tôn giáo đều thống nhất về các tiêu chí sau: (1) Tôn giáo mới phản ánh những thay đổi lớn trong đời sống văn hóa - xã hội khiến một bộ phận người bị tổn thương hoặc chưa thể thích nghi được với những thay đổi đó; (2) Tôn giáo mới luôn có một giáo chủ mới - người sáng lập có khả năng lôi cuốn và tổ chức giáo phái; (3) Tôn giáo mới luôn giải thích, lý giải giáo lý, giới luật một cách khác thường, thậm chí là gây “sốc” với văn hóa, tôn giáo truyền thống; (4) Tôn giáo mới được tổ chức thành

* Khoa Triết học, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Tp. Hồ Chí Minh.
Ngày nhận bài: 04/12/2018; Ngày biên tập: 12/12/2018; Ngày duyệt đăng: 19/12/2018.

những nhóm nhỏ, độc lập tương đối và không ổn định; (5) Tổ chức giáo hội, hệ thống nghi lễ, thờ cúng đơn giản, thường xuyên điều chỉnh theo hướng thế tục; (6) Sau một thời gian điều chỉnh để thích ứng, được xã hội chấp nhận, tôn giáo mới không còn mới nữa¹.

Từ những tiêu chí trên, chúng tôi ủng hộ định nghĩa về tôn giáo mới ở Việt Nam của nhóm nghiên cứu thuộc Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: “Tôn giáo mới là những hình thức tổ chức - xã hội với giáo lý, nghi lễ và niềm tin khác biệt, độc lập với tôn giáo thông thường, truyền thống. Chúng phản ánh những biến động lớn trong đời sống văn hóa - xã hội, cụ thể và là nhu cầu tinh thần của một nhóm người”².

Như đã biết, từ nửa cuối thế kỷ XIX cho đến thế kỷ XX, ở Nam Bộ xuất hiện một trào lưu tôn giáo mới trong cộng đồng người Việt. Những tôn giáo này liên tục tiếp biến, kế thừa lẫn nhau như một dòng chảy tâm linh với những tính chất, đặc điểm chung, như: Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, các Ông Đạo, Cao Đài Đại Đạo, v.v... Một số nhà nghiên cứu cho rằng: “đây là dòng tôn giáo cứu thế”³, số khác cho đó là những “tôn giáo bản địa”⁴. Chúng tôi cho rằng, “cứu thế” hay “bản địa” đều là những tính chất của dòng tôn giáo này. Theo nguyên tắc loại hình học (typology) với tầm nhìn rộng hơn trong đời sống tôn giáo nhân loại và tiêu chí phân loại tôn giáo mới của C. Patridge⁵, thì những tôn giáo này là các hình thức tôn giáo mới. Song tất cả đều có nguồn gốc từ truyền thống văn hóa, tín ngưỡng và tôn giáo của cộng đồng người Việt ở Nam Bộ, nên có thể gọi đây là dòng tôn giáo mới nội sinh ở Nam Bộ. Dựa trên những tiêu chí, định nghĩa, sự phân loại tôn giáo mới nói trên và dòng tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ, chúng tôi đặt giả thuyết rằng, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn là một hình thức tôn giáo mới trong dòng tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ, Việt Nam.

2. Phật giáo hiếu nghĩa Tà Lơn - Một tôn giáo mới ở Nam Bộ

2.1. Bối cảnh ra đời

Phật giáo Hiếu nghĩa Tà Lơn được sáng lập bởi các Ông Đạo ở núi Tà Lơn (bên Campuchia - cũng chính là nơi mà các vị tổ đình tu học

và đặc đạo) năm 1915 và chính thức khai đạo vào năm 1921 xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Các Ông Đạo gồm: Đạo Lập - Ngọc Thanh - Ngọc Minh - Ngọc Đắc - Ngọc An⁶. Ngọc An chính là giáo sư Nguyễn Ngọc An - Đức giáo chủ của Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon. Theo tác giả Nguyễn Xuân Hậu, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon là một nhánh có nguồn gốc từ Bửu Sơn Kỳ Hương của Phật thầy Tây An Đoàn Minh Huyên, học trò xuất sắc của Bửu Sơn Kỳ Hương. Đạo Lập chính là ông Tổ của Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon⁷. Bối cảnh, nguồn gốc hình thành của PGHNTL cũng như những điều kiện tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đặc điểm dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo vùng Nam Bộ là câu chuyện dài, chỉ có thể làm rõ trong một công trình nghiên cứu chuyên sâu. Tuy nhiên, có thể chỉ ra tác nhân quan trọng, chủ yếu nhất dẫn đến những biến động lớn trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của người nông dân Nam Bộ lúc này là chính sách khai thác thuộc địa lần thứ 2 của thực dân Pháp khoảng từ sau Chiến tranh Thế giới lần thứ Nhất cho đến những năm 30 của thế kỷ XX. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ 2 có tốc độ nhanh, qui mô khai thác rộng lớn và tác động mạnh mẽ đến toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đặc biệt là chính sách ruộng đất của thực dân Pháp đã đẩy người nông dân Nam Bộ vốn không chỉ khôn khéo vì thuế khóa, địa tô, phu phen, tạp dịch, mà còn mất ruộng đất, vườn tược, nhà cửa bởi nạn cướp đất lập đồn điền, trang trại, công xưởng cho thực dân pháp. Tình cảnh khôn cùng này đẩy người nông dân ly nông, đi làm thuê, làm mướn cho địa chủ hoặc đồn điền cao su. Theo chúng tôi, đây chính là tác động lớn nhất trong bối cảnh chuyển đổi của người nông dân Nam Bộ đến với các tôn giáo nội sinh, như: Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon, Phật giáo Hòa Hảo, v.v... Ngoài ra, các nhân tố môi trường sinh thái, văn hóa tâm linh của người Việt ở Nam Bộ cũng có những tác động đến việc tin, theo giáo chủ PGHNTL.

2.2. Người sáng lập đạo

Nói về giáo chủ, người khai đạo PGHNTL, Ban Phổ truyền Giáo lý viết: “Đức giáo sư tổ đình khai sáng đạo Nguyễn Ngọc An (1889-1972) đặc đạo lệnh ông, xuống núi độ đời giáo dân, khai mở đạo

PGHNTL, trụ thế 83 năm, 57 năm hành đạo, qui vị tháng 4 năm Nhâm Tý. Mộ phần nhục thể được an táng tại Tổ đình An Bình Tự Hiếu Nghĩa Kiên Lương”⁸. Giáo sư Nguyễn Ngọc An là chí sỹ yêu nước, luôn tham gia quốc sự, có tinh thần chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và thân thiện, giúp đỡ cách mạng. “Ông đã hy sinh trong trận oanh tạc của máy bay địch, được nhà nước truy tặng Huy chương Kháng chiến hạng II do Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết ký năm 2008”⁹. Với vai trò là người khai sáng đạo, Đức giáo sư Nguyễn Ngọc An được các tín đồ xem là người có quyền lực siêu nhiên khi ông đã tu hành đắc đạo trên ngọn núi Tà Lơn linh thiêng, nơi xuất hiện các nhà tiên tri cứu thế. Ông được đạo trời giao lĩnh ấn sắc tổ đình, xuống núi để độ đời khi đã đắc đạo, nghĩa là đã thấu suốt đạo trời của Tam giáo (Phật, Tiên, Thánh)¹⁰. Quyền lực siêu nhiên của ông được thể hiện ở niềm tin, sự vâng phục và thực hành nghiêm túc lời giảng dạy của ông từ các tín đồ. Sức lan tỏa và cuốn hút của Đức giáo sư còn thể hiện ở đời sống đức độ, giản dị, chân thành, gần gũi cộng đồng, luôn được tín đồ kính trọng, tin cậy gọi ông bằng những tên gọi thân thương: “thầy Bảy”; “Ông đạo Bảy”; “Đức giáo sư” và xưng “con” với “thầy Bảy”. Những bài giảng của ông được xem như kinh văn. Cuộc đời ông trở thành đối tượng thờ cúng chính trong tổ đình và tấm gương tu hành của các tín đồ PGHNTL.

2.3. Giáo lý, nghi lễ, tổ chức giáo hội

Toàn bộ giáo lý, nghi lễ, giáo luật, tổ chức giáo hội đều dựa trên tư tưởng, thơ văn và lời giáo truyền của Giáo sư Nguyễn Ngọc An, được các tín đồ tuân thủ nghiêm ngặt, lưu truyền, phổ biến và ghi chép lại trong các cuốn kinh sách của PGHNTL⁴.

Về ý nghĩa của đạo và chủ trương tu hành của PGHNTL có sự khác biệt so với Phật giáo truyền thống ở Việt Nam. Nếu Phật giáo chủ trương “giải thoát” và “Từ bi hỷ xả”, trong đó “giải thoát” khỏi “tham, sân, si” để đạt đến sự “giác ngộ” là lý tưởng cao nhất của nhà tu hành, thì chủ trương của PGHNTL là: “Phật pháp, Đạo pháp, Hiếu Nghĩa, Dân tộc với mục đích An bình, Bác ái, Từ Tâm”¹¹. *Phật pháp* là tu theo pháp Phật, pháp môn Nhân đạo mà Pháp chủ là Quan Thế Âm Bồ Tát. *Đạo pháp* là đường lối tu học dựa trên pháp môn Phật

giáo với phong tục, tập quán dân tộc Việt Nam trên nền tảng tư tưởng Nho giáo của Khổng Tử. *Hiếu nghĩa* là tư tưởng, thực hành trung tâm là theo hiếu nghĩa của đạo làm người. *Dân tộc* là truyền thống bản sắc văn hóa và thuần phong mỹ tục của dân tộc. *An bình, Bác ái, Từ Tâm* là lòng từ bi, yêu thương, trọn đạo làm người, sống đầy đủ đức hạnh, Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín thì nhân loại và chính mình sẽ được bình an, hạnh phúc¹². Có thể thấy cách giải thích của PGHNTL mang tính thực hành là chủ yếu, không phải là học Phật, mà là tu Phật, không chỉ dựa trên nền tảng Nho giáo, mà còn lấy phong tục, tập quán truyền thống bản sắc văn hóa và thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam là cốt lõi. Do vậy, tính dung hợp tư tưởng, giáo lý là sự khác biệt lớn so với Phật giáo truyền thống.

PGHNTL cũng có một hệ thống giáo lý đầy đủ các thành tố như Vũ trụ quan, Nhân sinh quan, giáo lý cơ bản, giới luật và tổ chức giáo hội, song rất đơn giản và dễ hiểu đối với người nông dân. Vũ trụ quan bao gồm thế giới hữu hình và thế giới vô hình. Thế giới hữu hình là vạn vật, ngũ hành trong vòng đời sinh tử của Tứ khổ và Âm phủ nơi thực hành hình phạt quả báo, luân hồi: “Gieo nhân nào thì gặt quả nấy, làm phước được thiện, làm ác sẽ báo ác”. Thế giới vô hình là thế giới của các vị Thần, Phật, Thánh, Tiên, là cõi cực lạc vô hình và vĩnh hằng¹³.

Nhân sinh quan của PGHNTL là Phật pháp, Hiếu nghĩa, An bình, Bác ái và Từ tâm, trong đó Hiếu nghĩa là hạt nhân của toàn bộ giáo lý. Theo PGHNTL, Hiếu là nguyên lý tất yếu trong trời đất, lan tỏa khắp Tam tài: Trời, Đất và Người. Đó là Hiếu Thiên (hiếu với trời); Hiếu Địa (hiếu với đất); Hiếu Nhân (hiếu với người). Hiếu được thể hiện trong đời sống cụ thể trong đời sống của tín đồ ở 7 tiêu chí: “(1) Hiếu chí ưu thiên tắc phong Võ Thuận Thi; (2) Hiếu chí ưu địa sinh hóa vạn vật; (3) Hiếu chí tổ giáo huấn thập nhị công nghệ; (4) Hiếu chí Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ nuôi dưỡng người; (5) Hiếu chí tổ nội, tổ ngoại, đạo đồng nhất lý; (6) Hiếu chí phụ mẫu sinh thành hình vóc, tóc da, thân thể; (7) Hiếu chí phụ mẫu, kế phụ mẫu không sinh, có dưỡng đạo đồng”⁷.

Như vậy, so với Phật giáo truyền thống, PGHNTL có giáo lý đơn giản hơn rất nhiều và mang tính thế tục và đời thường hơn so với các tôn giáo truyền thống và chủ lưu. Có một tiêu chí khác biệt với tôn

giáo mới nói chung là tư tưởng, giáo lý của PGHNTL không đối lập với truyền thống văn hóa, tín ngưỡng, mà chủ trương bảo tồn, giữ gìn bản sắc, văn hóa, giá trị tinh thần dân tộc. Có thể thấy rõ tiêu chí này trong khái niệm “nghĩa” của đạo “nhân luân”. Theo PGHNTL, “nghĩa” có ba nguyên tắc: *Nghĩa với nước; Nghĩa với bạn; Nghĩa với người*. Nghĩa với nước là phải tận tâm vì nước; Nghĩa với bạn phải thật lòng tin nhau trước cũng như sau; Nghĩa với người là cho mọi người cảm phục đức nhân từ¹⁴. PGHNTL cho rằng, nghĩa được thể hiện ở sáu tiêu chí: (1) Nghĩa với nước là phải tận trung vì nước, giữ gìn ngọn rau tấc đất nước nhà; (2) Nghĩa với sư thầy ta nên hiếu hạnh, thảo hiền; (3) Nghĩa với bạn là không phản bạn; (4) Nghĩa với bà con, song thân, luân lý; (5) Nghĩa với anh em, trên hòa dưới thuận; (6) Nghĩa với cô bác xóm giềng hương thôn¹⁵.

Lý tưởng tu hành của PGHNTL là đạo nhân luân, vì có ba đạo lớn trong trời đất: Đạo Phật, đạo Thánh, đạo Tiên, là ba lý tưởng vô vi, cao xa, khó đạt. Song, khi tín đồ “được hoàn toàn đạo nhân luân rồi thì ba đạo ấy ở tận đáy lòng ta chớ không xa”¹⁶. Do vậy, PGHNTL có ba bậc tu hành: Thượng thừa (tu theo đạo Tiên); Trung thừa (tu trường chay sơ đẳng); Hạ thừa (tu theo nhân đạo). PGHNTL cũng có những điều kiện bắt buộc đối với tín đồ mới gia nhập đạo là: phải thuộc Kinh Cứu Khổ và tụng thường nhật; phải hiểu biết căn bản về giáo lý, phương hướng hành đạo; phải tự nguyện quy y theo đạo. Mặt khác, mục đích của PGHNTL là cứu cánh sửa tâm, rèn tính để đi đến tâm định, tính định đạt tới trí huệ. Thực hành tôn giáo của PGHNTL chủ yếu là cấm những việc làm trái với đạo làm người, cấm các thói hư tật xấu, mê tín dị đoan để cho lòng được chính tín, giúp tín đồ đạt được chân, thiện, mỹ, do đó tín đồ không cần phải tách rời xã hội, không xuất gia lìa ái, cần thiết là phải tuân thủ “Nhơn đạo”: “Nhơn đạo bất tu, tiện đạo viễn hỷ”, nghĩa là đạo làm người không tu thì đạo tiên xa lắm. Cụ thể, tín đồ có bốn điều luôn phải giữ là: (1) Trung thành với đạo; (2) Giữ tròn quy y luật Phật dạy; (3) Nên lánh dữ, làm lành; (4) Với tám giới luật và 10 điều răn và hai mươi điều cấm kỵ¹⁷. Đây cũng là những điểm tương đồng với tiêu chí nghi lễ đơn giản, dễ hiểu và gần gũi đời thường.

Về tổ chức giáo hội, PGHNTL không tổ chức thành hệ thống thứ bậc rõ ràng, không có chức sắc, chỉ có chức việc và được tổ chức theo hai cấp Trung ương và địa phương. Tổ chức cao nhất là Hội đồng Trị sự Trung ương đạo gồm 36 thành viên với 5 ban (Ban Quản tự các chùa, am tự, cốc đường; Ban Phổ truyền Giáo lý; Ban Nghi lễ; Ban Kiểm soát đạo; Ban Công tác Xã hội; Ban Tài chính), Ban Quản tự địa phương ở các chùa, am tự, cốc gồm từ 7 đến 16 thành viên. Hiện nay, PGHNTL có 9 chùa, am tự, cốc đường với khoảng trên 6.000 tín đồ ở một số tỉnh Tây Nam Bộ, như: An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ¹⁸. Ban Quản tự địa phương ở các chùa, am tự, cốc đường của PGHNTL đều có tính độc lập tương đối, tự sinh, tự thu, tự quản và số lượng tín đồ ở các cơ sở thờ tự này đều là những nhóm người có quan hệ gia đình và họ hàng thân tộc¹⁹. Việc tổ chức thành những nhóm nhỏ, có tính độc lập tương đối của PGHNTL cũng là một tiêu chí của tôn giáo mới nói chung.

Xét từ bối cảnh ra đời, quyền lực thiêng của Đức Giáo chủ; sự khác biệt trong chủ trương, mục đích, giáo lý, nghi lễ, cách thức tu hành và tổ chức nhóm đạo, có thể xem PGHNTL là một hình thức tôn giáo mới.

3. Phật Giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn - Một tôn giáo mới nội sinh ở Nam Bộ

3.1. PGHNTL có tính chất nội sinh thuộc dòng tôn giáo của người Việt ở Nam Bộ

Dòng tôn giáo nội sinh là một thuật ngữ dùng để chỉ các tôn giáo xuất hiện vào giữa thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX trong cộng đồng người Việt ở Nam Bộ. Đây là những tôn giáo phản ánh bối cảnh xã hội và văn hóa tâm linh đặc thù ở Nam Bộ, một vùng đất đa dân tộc, đa tôn giáo. Khởi đầu là Bửu Sơn Kỳ Hương (BSKH) được sáng lập bởi Đoàn Minh Huyên (1807-1856) mà người dân trong vùng tôn xưng là Phật thầy Tây An. Với chủ trương “Học Phật - Tu Nhân” và thực hành “Tứ Ân Hiếu Nghĩa” hóa độ tùy duyên, tu phước, làm thiện, Bửu Sơn Kỳ Hương đã mang lại một luồng gió tâm linh mới vừa đơn giản, dễ hiểu, vừa dễ thực hành, tu đạo tại gia cho người nông dân vùng Nam Bộ, do vậy Phật thầy Tây An được xem là người khai phóng một dòng

tôn giáo bản địa mang đậm bản sắc, giá trị văn hóa của cộng đồng người Việt vùng Nam Bộ. Tiếp sau BSKH là Tứ Ân Hiếu Nghĩa (TÂHN) ra đời ở Châu Đốc năm 1867 do Đức Bổn Sư Ngô Lợi - một đệ tử kế thừa xuất sắc đường lối, chủ trương tu hành và giáo lý cơ bản của Phật thầy Tây An. Đạo TÂHN thu nhận thêm nhiều tín đồ, mở rộng phạm vi hoạt động, lập nhiều làng mới và khắc họa rõ hơn diện mạo của dòng tôn giáo nội sinh của cộng đồng người Việt vùng Nam Bộ. Phát huy tinh thần, bản sắc của BSKH và TÂHN, hàng loạt các Ông Đạo xuất hiện liên tục, tạo nên dòng tôn giáo nội sinh Nam Bộ: PGHNTL, Phật giáo Hòa Hảo, Khất Sĩ; Đạo Đền (Phật Trùm) ở núi Cấm, Đạo của sư Vải bán khoai, đạo Dừa ở Côn Phụng Bến Tre, Đạo Khùng ở Cao Lãnh, Đồng Tháp, Đạo nổi, Đạo Sáu, Đạo Tường ở An Giang, v.v... Tất cả đều nằm trong dòng chảy này và đều mang những tính chất, đặc điểm chung của dòng tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ.

3.2. Tính cởi mở, khoan dung hòa đồng tín ngưỡng, tôn giáo

Tính cởi mở và khoan dung tôn giáo của PGHNTL được thể hiện rõ qua chủ trương hòa đồng Tam giáo: Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo, và Tam giáo cũng là cơ sở của giáo lý, giáo luật cũng như các nội dung tu học của PGHNTL.

Dung hợp tôn giáo là một hiện tượng phổ biến trong đời sống tôn giáo nhân loại, đó là sự hòa đồng, trộn lẫn các thành phần, yếu tố của nhiều tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau tạo thành một dạng thức tôn giáo tổng hợp. Còn hiện tượng dung hợp Tam giáo là một dạng thức của dung hợp tôn giáo biểu hiện cụ thể ở các quốc gia Đông Á và Việt Nam. Dung hợp Tam giáo gồm 03 thành tố: Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo và chúng được kết dính bởi tín ngưỡng, văn hóa dân gian địa phương. PGHNTL cũng là một dạng thức Tam giáo dung hợp bao gồm ba thành tố: Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, và tín ngưỡng, văn hóa truyền thống Nam Bộ là chất keo kết dính. Đặc điểm dung hợp Tam giáo ở PGHNTL thể hiện trong thờ cúng: thờ Phật, Thánh, Thần thể hiện trong nhân sinh quan (Sinh: thực hành Tứ Ân Hiếu, Nghĩa; Tử: thác thành Thần, Thánh, Tiên, Phật)²⁰. Ngoài ra, PGHNTL còn mang đậm tín ngưỡng, văn hóa truyền thống địa phương vùng Nam Bộ thể hiện trong biểu tượng tôn giáo (đóa sen hồng 8 cánh có tên gọi

chung là Bát Bửu Ngũ Linh Tự gồm, 5 chùa, 3 am tự, 1 cốc đường mang truyền thống bản sắc văn hóa và thuần phong mỹ tục), thờ trần điều (PGHNTL giải thích, trần điều tượng trưng cho màu khí huyết dân tộc và cũng là màu tượng trưng cho thánh, thần, Phật)²¹. Có thể thấy PGHNTL rất coi trọng việc giữ gìn văn hóa truyền thống và đạo lý làm người, thể hiện ở việc thực hành thờ cúng tổ tiên, hiếu với cha mẹ, sống chan hòa, tốt đẹp với bà con láng giềng. Trong “Chiết Thánh đạo”, Giáo sư Nguyễn Văn An viết: “... còn nói về Tam giáo đạo là Phật, Thánh, Tiên cũng một lòng nghĩa là: Đạo Phật thì dạy tu tâm cho thành Phật. Đạo Tiên thì dạy luyện tính cho thành Tiên. Đạo Nho thì dạy giữ dạ thảo hiền, ấy là người Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa mới thành ra Thần, Tiên, Thánh, Phật. Mà Thần, Tiên, Thánh, Phật cũng phải là một đáng toàn năng, toàn thiện, toàn mỹ rồi mới được chứng quả thiêng liêng cực lạc vậy”²². PGHNTL xem Tam giáo là một và đồng qui ở đức Hiếu. Lời giáo truyền nhân đạo viết: “Sách Thánh nhân dạy rằng: Quân sư phụ đạo đồng nhất lý”, nghĩa là thờ chung như một lý tưởng. Nếu được hoàn toàn thì Phật, Thánh, Tiên, Thần cũng đều do nơi trung, hiếu, tiết, nghĩa đó mà ra”²³. Nhìn từ các tôn giáo nội sinh khác ở Nam Bộ, như: BSKH, TÂHN, Phật giáo Hòa Hảo, Khất Sĩ, v.v... đều có đặc tính khoan hòa, dung hợp này. Như vậy, có thể nói tính cởi mở và khoan dung tôn giáo của PGHNTL cũng là đặc tính chung của dòng tôn giáo nội sinh của người Việt ở Nam Bộ.

3.3. Tính chất địa phương, tộc người

Tính chất địa phương của PGHNTL thể hiện trước hết ở phạm vi hoạt động của đạo. Cho đến nay, PGHNTL đã hiện tồn gần 100 năm, song đời sống đạo và số lượng tín đồ vẫn tập trung chủ yếu ở tỉnh Kiên Giang mà huyện Kiên Lương là trung tâm của đạo. Sự truyền giáo và lan tỏa của PGHNTL chỉ trong phạm vi gia đình, dòng họ nên không phát triển nhanh như Phật giáo Hòa Hảo, đạo Cao Đài. Có một số am đường, cốc tự ở An Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp, nhưng số lượng tín đồ là không đáng kể¹⁷. Cho tới nay, số lượng các tín đồ của PGHNTL khoảng 6.000 người, tất cả đều là người Việt. Mặt khác, văn phong, ngôn ngữ thể hiện trong giáo lý, nghi lễ mang âm sắc địa phương và bằng ngôn ngữ của người Việt, như: “nhân luân”; “nhân

đạo”; “tính thiện”; “tam cương, ngũ thường”; “câu bầy”¹⁸, “thượng nguyên”, “trung nguyên”; “hạ nguyên”; “chí chân, chí thiện”; “ràng tu”, v.v... Ngoài ra, “nói thơ”, “đọc thơ”, “kể chuyện bằng thơ” trong giáo lý PGHNTL cũng là một đặc trưng của văn hóa, tín ngưỡng truyền thống của người Việt vùng Nam Bộ, đặc điểm này giúp tín đồ dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện¹⁹. So với các tôn giáo nội sinh khác của người Việt, như: BSKH, TÂHN, Phật giáo Hòa Hảo, v.v... chúng ta cũng thấy có đặc tính này và có thể nhận định rằng đây là một trong những đặc điểm trong dòng tôn giáo nội sinh của người Việt ở Nam Bộ.

3.4. Tính quần chúng

Có nguồn gốc từ môi trường sinh thái, văn hóa tâm linh, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu nghĩa, PGHNTL đều thể hiện tính quần chúng rất cụ thể ở đường hướng hành đạo kết hợp chặt chẽ giữa đạo và đời (học Phật, tu nhân), trong đó lấy đạo hiếu là trung tâm, giới luật cũng không khắt khe, nghi lễ đơn giản, mọi người đều có thể tham gia, thực hành dễ dàng. Mặt khác, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu nghĩa, PGHNTL không có chức sắc, chỉ có chức việc nên trong cộng đồng tín đồ không có sự phân biệt, kiêng kỵ thứ bậc. Mọi tín đồ đều bình đẳng, quan hệ đối xử như trong một gia đình và hành xử bình thường như nhau. Do vậy không có sự cách biệt giữa các hạng tu (tu tại gia, tu tại chùa), không có sự phân cách cao thấp giữa các bậc tu (thượng thừa, trung thừa, hạ thừa).

Tính quần chúng của PGHNTL còn thể hiện qua phương pháp truyền giáo, đơn giản dễ nhớ bằng “Bổn thơ”. Chúng ta đều biết, giữa thế kỷ XIX, ở Nam Bộ xuất hiện phong trào kể chuyện bằng thơ, đọc thơ, văn chương có vần có điệu được đông đảo người dân ưa thích. Theo nhà văn Sơn Nam, người dân miệt Nam Kỳ lục tỉnh gọi là “Bổn thơ”. Đây cũng là đặc điểm chung của các tôn giáo nội sinh của người Việt ở Nam Bộ. Cách giảng giải, giáo huấn, giảng đạo của Đức giáo sư Nguyễn Văn An cũng như các giáo chủ tiền bối: Phật Thầy Tây An, Đức Bổn sư Ngô Lợi là bằng Bổn thơ. Ngay trong luật đạo của PGHNTL, những qui định cũng được giáo huấn bằng thơ. Trong kinh sách của PGHNTL ngoài những phần thơ trong quyển “Lịch sử tôn giáo”, hầu hết các phần trong quyển “Bàn luận đạo pháp vấn đáp” bao

gồm tất cả các nội dung truyền dạy cho tín đồ bằng thơ: cách ăn mặc và tu hành, sự ăn chay và cúng giỗ ông bà, sự tu hành, sự tu thọ phái quy y, v.v... Về hai quyển “Chiết Thánh Đạo” và “Luật Đạo” thì ghi lại những bài kệ, bài giảng nói thơ có gieo vần điệu dễ nhớ để dạy cho tín đồ, ví dụ như dạy về chữ Hiếu:

“Nếu hiếu với cha mẹ
 Chắc rằng con hiếu với ta chứ gì
 Nếu mình ăn ở vô nghi
 Đừng mong con hiếu làm gì uống công
 Và:
 Hiếu thuận sinh ra con hiếu thuận
 Ngỗ nghịch nào con có khác chi
 Thử xem trước thêm mưa xối nước
 Giọt sau giọt trước chẳng sai gì”²⁴.

Hay ngay trong đạo luật của PGHNTL, những qui định cũng được giáo huấn bằng thơ của Đức giáo sư:

“Lời thầy khuyên gửi các trò Nam
 Họa vẽ bức thơ sơn thạch làm
 Nhắc với các con người đạo hiếu
 Cùng là cháu nghĩa mấy lời ni
 Rằng phải quyết tâm hành chính đạo
 Bỏ điều gian ác dứt lời phi
 Ăn ở theo xưa tròn chữ hiếu
 Tham mê văn vật lắm làm chi”²⁵.

Hay khuyên các tín đồ tuân thủ việc ăn chay và cấm sát sinh vô cớ:

“Lại nữa ăn để mà sống
 Chớ không phải sống để mà ăn
 Bôi như vậy mới bớt hại bò, bay, máy, cựa
 Giết súc vật ăn dùng thường bữa

Suốt một đời chất chứa bao nhiêu
 Cầm sát sinh vô có một điều
 Thì có lợi cho muôn ngàn sanh mạng”²⁶.

Ngoài hình thức truyền đạo, răn dạy tín đồ bằng lối thơ bình dân, PGHNTL còn theo cách phổ biến ở Nam Bộ thời xưa là “nói Nho”. Đó là các câu, các ý được xem là chân lý để răn dạy đạo lý làm người từ sách “Thánh hiền” được các Nho sĩ ngâm nga để dạy đời, hay theo lối nói bình dân gọi là “xỏ Nho”, là hình thức đọc âm và dụng nghĩa chữ Hán. Hình thức này cũng được PGHNTL sử dụng để truyền dạy cho tín đồ, đặt biệt là phần tu “Nhân đạo”. Trong phần này, các câu, các ý của các vị thầy trong Nho học thường được trích dẫn và diễn giải như là mấu chốt cho các điều răn dạy của Giáo sư Nguyễn Văn An khuyên các tín đồ thực hành theo “Nhân đạo”. Thường thấy nhất trong lối hành văn của quyển “Chiết Thánh Đạo” đề tu “Nhân đạo” là luôn có 3 phần trong cùng một nội dung cần truyền đạt hay răn dạy gồm: “Nho học” sau đó giải thích theo Việt nghĩa và tiếp theo là bài thơ, kệ có gieo vần dễ nhớ hoặc lời dạy của giáo chủ. Có lẽ, đây là cách thuận tiện nhất để nhiều tầng lớp quần chúng trong xã hội có thể hiểu được đạo và đạo cũng có thể tiếp cận để đáp ứng được nhu cầu tâm linh của quần chúng trong xã hội thời bấy giờ (1961-TG). Dạy về “chữ Hiếu-Nghĩa” trong PGHNTL:

Phần Nho học: “Hiếu chí ư thiên tắc phong võ thuận Thì
 Hiếu chí ư địa tắc vạn vật hóa Thành
 Hiếu chí ư nhơn tắc phước chúng lai trǎng”²⁷.

Phần nghĩa: nghĩa với nước, nghĩa với bạn, nghĩa với người. Nghĩa với nước: phải tận tâm vì nước. Nghĩa với bạn: phải thật lòng tin nhau trước cũng như sau. Nghĩa với người phải ở cho mọi người được cảm phục đức hạnh nhơn từ.

Phần thơ:
 “Trăm nét tốt hiếu là trước nhất
 Hiếu cảm thông trời đất thuận hòa,
 Hiếu còn thông cảm người ta,

Phước lành đưa đến nhà nhà yên vui”²⁸.

Hay Giáo sư Nguyễn Văn An dạy tín đồ “phải sống hiền hòa không hung hăng nóng giận”:

Phân Nho học: Thầy Trương Kinh Phu có dạy rằng: huyết khí chi nộ bất khả hữu, nghĩa lý chi nộ bất khả vô

Phân nghĩa: nghĩa là giận huyết khí (máu nóng) giận riêng mình chẳng nên có, giận về nghĩa lý là giận về lẽ (công chung) chẳng nên không.

Phân thơ:

“Lẽ công phải giận ta nên giận

Cá nhân quyết chí hãy thôi đi

Cho rảnh lương tâm ta mát mẻ

Mà lo hòa hợp giữ đạo nghi”²⁹.

Một đặc điểm nổi bật trong đời sống, sinh hoạt của PGHNTL là mối quan hệ họ hàng thân tộc chặt chẽ. Khảo sát các chức việc quản lý tại các cơ sở thờ tự lớn, như: Tiên An Tự; An Bình Tự... có thể thấy đều là người có quan hệ họ hàng thân thuộc. Ví dụ, ông Nguyễn Văn Bảy (pháp danh Ngọc Thành), chủ quản An Bình Tự cũng là Trưởng Hội đồng Trị sự đạo (người đứng đầu của tôn giáo PGHNTL hiện nay), đồng thời là người thu thập, biên soạn, cho in ấn các tài liệu về lịch sử, kinh sách, giáo huấn, tổ chức đạo... của PGHNTL là cháu nội (tử tôn) của Đức Giáo sư Nguyễn Văn An. Ông Phùng Ngọc Lợi, chủ quản Tiên An Tự là cháu rể (chồng của cháu nội gái) của Đức Giáo sư Nguyễn Văn An. Ngoài ra, một số chức việc trong các ban: Phổ truyền Giáo lý; Ban Nghi lễ, Ban Kiểm soát đạo; Ban Công tác xã hội, Ban Tài chính đều có mối quan hệ gia đình hoặc họ hàng thân thuộc³⁰. Đặc điểm này duy trì và củng cố sự lâu bền, vững chắc trong đời sống, sinh hoạt đạo của cộng đồng tín đồ.

Kết luận

PGHNTL là một tôn giáo mới nội sinh vùng Nam Bộ, kế thừa, phát huy có cải biến tư tưởng giáo lý của Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và dựa trên đặc điểm dung hợp Tam giáo kết hợp với văn hóa,

tín ngưỡng truyền thống địa phương. Với chủ trương lấy đạo Hiếu là trung tâm của giáo lý và là hạt nhân của học Phật, tu Nhân, PGHNTL đã đề cao giá trị văn hóa, tâm linh Nam Bộ; giữ gìn, phát huy các truyền thống văn hóa, tín ngưỡng Nam Bộ, trở thành một trong những chỗ dựa tâm linh tin cậy của một bộ phận người nông dân Nam Bộ. Giáo lý đơn giản, dễ hiểu, nghi lễ gọn nhẹ, đạo luật đậm tính đạo đức phù hợp với người nông dân Nam Bộ. PGHNTL dù mang tính địa phương, không lan tỏa rộng rãi, song vẫn tồn tại suốt một thế kỷ, thu hút quần chúng nhân dân lao động với số lượng tới 6.000 tín đồ²⁸, một con số không nhỏ so với một số tôn giáo xuất hiện ở Nam Bộ sau này. Nghiên cứu, làm rõ những tính chất, đặc điểm cũng chính là làm rõ tiêu chí tôn giáo mới của PGHNTL trong mối quan hệ so sánh với dòng tôn giáo mới nội sinh ở Nam Bộ như Đạo Đền (Phật Trùm) ở núi Cấm; Đạo của sư Vãi bán khoai, đạo Dừa ở Cồn Phụng, Bến Tre; Đạo Khùng ở Cao Lãnh, Đồng Tháp; Đạo Nổi; Đạo Sáu; Đạo Tượng ở An Giang, v.v... Chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn các chiều kích lịch sử, giáo lý, nghi lễ, đạo luật và mối quan hệ của PGHNTL với đời sống xã hội và với các tôn giáo trong vùng để hiểu sâu hơn, nhận định rõ hơn bản chất, chức năng và đặc trưng của PGHNTL. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Christopher Patridge (2004), *New Religions: A Guide (New Religious Movements, Sects and Alternative Spiritualities)*, Oxford University Press: 14-15.
- 2 Trương Văn Chung (2016), *Tôn giáo mới, nhận thức và thực tế*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh: 36.
- 3 Phan Lạc Tuyên (2004), “Các tôn giáo và đạo giáo ở Nam Bộ”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 02 (26) (nguồn: <http://www.vanhoahoc.vn/nghien-cuu/van-hoa-viet-nam/van-hoa-nam-bo/1819-phan-lac-tuyen-cac-ton-giao-va-dao-giao-o-nam-bo.html>, truy cập ngày 20/07/2018)
- 4 http://btgcp.gov.vn/tim_hieu_net_dac_trung_cua_ton_giao_ban_dia_o_nam_bo truy cập ngày 20/07/2018
- 5 Christopher Patridge (2004), *New Religions: A Guide (New Religious Movements, Sects and Alternative Spiritualities)*, Oxford University Press: 19-21.
- 6 *Lịch sử tôn giáo đạo Phật giáo Hiếu nghĩa Tà Lon*, in ấn lưu hành nội bộ, Tổ Đình An Bình Tự, Kiên Giang, 2009.
- 7 Nguyễn Xuân Hậu (2011), *Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon*, luận văn Thạc sĩ Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh: 21.
- 8 *Lịch sử tôn giáo đạo Phật giáo Hiếu nghĩa Tà Lon*, in ấn lưu hành nội bộ, Tổ Đình An Bình Tự, Kiên Giang, 2009: 7.

- 9 *Lịch sử tôn giáo đạo Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon*, tldđ: 7.
- 10 *Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon - Tổ đình An Bình Tự Kiên Lương*, Kiên Giang, 2009: 13.
- 11 *Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon - Tổ đình An Bình Tự Kiên Lương*, tldđ: 8.
- 12 *Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon - Tổ đình An Bình Tự Kiên Lương*, tldđ: 8.
- 13 *Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon - Tổ đình An Bình Tự Kiên Lương*, tldđ: 27.
- 14 Nguyễn Văn An (1961), *Chiết Thánh Đạo*, Chùa An Bình Kiên Lương in ấn lưu hành nội bộ: 6.
- 15 *Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon - Tổ đình An Bình Tự Kiên Lương*, tldđ: 19.
- 16 *Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon - Tổ đình An Bình Tự Kiên Lương*, tldđ: 11.
- 17 *Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon - Tổ đình An Bình Tự Kiên Lương*, tldđ: 25-27.
- 18 *Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon - Tổ đình An Bình Tự Kiên Lương*, tldđ: 41.
- 19 Nguyễn Xuân Hậu (2011), *Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon ở một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long*, luận văn thạc sỹ Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh: 96.
- 20 *Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon - Tổ đình An Bình Tự Kiên Lương*, tldđ: 16.
- 21 *Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon - Tổ đình An Bình Tự Kiên Lương*, tldđ: 7.
- 22 An Bình Tự, *Chiết Thánh Đạo*, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon lưu hành nội bộ: 1.
- 23 An Bình Tự, *Chiết Thánh Đạo*, tldđ: 5.
- 24 An Bình Tự, *Chiết Thánh Đạo*, tldđ: 24, 25.
- 25 An Bình Tự, *Luật đạo*, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon lưu hành nội bộ: 20.
- 26 Nguyễn Ngọc Thành (Chủ chùa An Bình Tự) (7/1996), *Hai cô thiếu nữ dâm đạo - Bàn luận đạo vấn đáp*, in ấn lưu hành nội bộ, Tổ đình An Bình Tự, Kiên Giang: 8.
- 27 An Bình Tự, *Chiết Thánh Đạo*, tldđ: 5-6.
- 28 An Bình Tự, *Chiết Thánh Đạo*, tldđ: 6.
- 29 An Bình Tự, *Chiết Thánh Đạo*, tldđ: 33.
- 30 Nguyễn Xuân Hậu (2011), *Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon*, luận văn Thạc sỹ Triết học, Học Viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh: 78.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. An Bình Tự, *Lịch sử tôn giáo: đạo Hiếu Nghĩa Tà Lon*, Kiên Giang, 2009.
2. An Bình Tự, *Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon - Kinh Phổ Môn* (Lưu hành nội bộ).
3. Giáo sư Nguyễn Văn An, *Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon. Chiết Thánh Đạo*, An Bình Tự, lưu hành nội bộ.
4. Giáo sư Nguyễn Văn An, *Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon - Kinh cứu khổ*, An Bình Tự, lưu hành nội bộ.
5. Giáo sư Nguyễn Văn An, *Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon - Luật Đạo*, An Bình Tự, lưu hành nội bộ.
6. Công văn số 851/TGCP-TGK *V/v cấp đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon*, do Ban Tôn giáo Chính phủ ký ngày 08/8/2016.
7. Trương Văn Chung (cb. 2016), *Tôn giáo mới, nhận thức và thực tế*, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

8. Christopher Partridge (2004), *New Religion Agiude*, Oxford University Press.
9. Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động tôn giáo số: 277/GCN-BTG do Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang cấp ngày 22/9/2016.
10. Nguyễn Xuân Hậu (2011), *Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon ở một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long*, luận văn Thạc sĩ Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
11. Nguyễn Ngọc Thành (Chủ chùa An Bình Tự), *Hai cô Thiếu nữ đằm đạo - Bàn luận đạo vấn đáp*, 7/1996, lưu hành nội bộ.

Abstract

HIẾU NGHĨA TÀ LON BUDDHISM - A NEW RELIGION BORN IN THE SOUTH VIETNAM

Nguyen Thoai Linh

Department of Philosophy

University of Social Sciences & Humanities,

Ho Chi Minh City

Born in the South in the early 20th century, after more than 100 years of existence, development (1915-2018), Hieu Nghia Ta Lon Buddhism religion is a spiritual support for a part of Vietnamese and contributing to preservation rich diversity culture in the South. Moreover, Hieu Nghia Ta Lon Buddhism is become a endogenous religion in West Southern. However, from the point of view new religious research theory, in the first 50 years, Hieu Nghia Ta Lon Buddhism establishes and spread, it is one of the new religion forms originating in relation to the endogenous religious line in the South, Vietnam. This article uses functional, religious dimensions theories and comparative religious studies to clarify the new nature of the Hieu Nghia Ta Lon Buddhism, through, we identifies the Hieu Nghia Ta Lon Buddhism is a new religion in the endogenous religious line of Vietnamese community in the South.

Key word: Hieu Nghia Ta Lon Buddhism; new religion; endogenous religion; South of Vietnam.